|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **U027** |
| *Tên Use Case* | Xem báo cáo doanh thu theo loại phòng |
| *Tóm tắt* | Người quản lý dùng để xem Báo cáo về doanh thu của khách sạn. |
| *Tác nhân* | Người dùng (quản lý). |
| *Điều kiện tiên quyết* | Người dùng đăng nhập với chức vụ là quản lý. |
| *Kết quả* | Người quản lý sẽ xem được tổng số tiền thu được hàngtháng theo loại phòng. |
| *Kịch bản chính* | Người quản lý chọn chế độ xem Báo cáo về doanh thu của khách sạn  Lựa chọn mm/yy để hệ thống hiển thị ra báo cáo tương ứng. |
| *Kịch bản phụ* |  |
| *Ràng buộc phi chức năng* | Xuất báo cáo nhanh. |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **U028** |
| *Tên Use Case* | Xem báo cáo mật độ sử dụng phòng |
| *Tóm tắt* | Người quản lý dùng để xem Báo cáo mật độ sử dụng phòng. |
| *Tác nhân* | Người dùng (quản lý) |
| *Điều kiện tiên quyết* | Người dùng đăng nhập với chức vụ là quản lý. |
| *Kết quả* | Người quản lý sẽ xem được tổng số tiền thu được tỷ lệ sử dụng các phòng trong khách sạn qua từng tháng. |
| *Kịch bản chính* | Người quản lý chọn chế độ xem Báo cáo về mật độ sử dụng phòng.  Lựa chọn mm/yy để hệ thống hiển thị ra báo cáo tương ứng.  Mặc định hiển thị báo cáo của tháng hiện tại. |
| *Kịch bản phụ* |  |
| *Ràng buộc phi chức năng* | Xuất báo cáo nhanh. |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **U029** |
| *Tên Use Case* | Chỉnh sửa thông tin phòng |
| *Tóm tắt* | Quản lý thay đổi thông tin chi tiết của một phòng trong khách sạn. |
| *Tác nhân* | Người dùng (quản lý). |
| *Điều kiện tiên quyết* | Người dùng đã đăng nhập với chức vụ là quản lý. |
| *Kết quả* | Thông tin phòng bị thay đổi. |
| *Kịch bản chính* | Người dùng sau khi nhấn chọn nút **“Edit”** ở use case U007 - Kiểm tra chi tiết phòng sẽ cho phép người dùng chỉnh sửa.  Khi người dùng chọn **“Save”**, hệ thống sẽ cập nhật thông tin phòng và hiện thông báo cập nhật thành công.  Khi người dùng chọn **“Cancel”**, hệ thống sẽ giữ lại giá trị cũ. |
| *Kịch bản phụ* | Khi người dùng chỉnh sửa thông tin một phòng đang có khách thì hệ thống sẽ thông báo không được thay đổi thông tin phòng. |
| *Ràng buộc phi chức năng* | Lưu đúng thông tin. |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **U030** |
| *Tên Use Case* | Xem danh sách nhân viên |
| *Tóm tắt* | Người quản lý xem danh sách nhân viên hiện có trong khách sạn. |
| *Tác nhân* | Người dùng (quản lý) |
| *Điều kiện tiên quyết* | Người dùng đã đăng nhập với chức vụ là quản lý. |
| *Kết quả* | Hiển thị danh sách nhân viên ra màn hình. |
| *Kịch bản chính* | Người dùng chọn **“Xem danh sách nhân viên”**.  Hệ thống lấy dữ liệu và hiển thị danh sách nhân viên hiện có. |
| *Kịch bản phụ* | Người dùng chọn nút **“Delete”** thì sẽ cho phép người dùng chọn các nhân viên muốn xóa. Khi chọn nút **“Delete”** một lần nữa sễ hiện thông báo **“Bạn muốn xóa nhân viên?”.**  Nếu người dùng chọn **“OK”** thì hệ thống sẽ xóa thông tin nhân viên khỏi dữ liệu.  Nếu người dùng chọn **“Cancel”** thì thông tin sẽ được giữ nguyên. |
| *Ràng buộc phi chức năng* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **U031** |
| *Tên Use Case* | Xem thông tin tài khoản |
| *Tóm tắt* | Người quản lí sẽ xem thông tin chi tiết của một nhân viên trong khách sạn. |
| *Tác nhân* | Người dùng (quản lý) |
| *Điều kiện tiên quyết* | Người dùng đã đăng nhập với chức vụ là quản lý. |
| *Kết quả* | Hiển thị thông tin nhân viên ra màn hình. |
| *Kịch bản chính* | Khi người dùng chọn một phòng bất kì trong use case U030 – Xem danh sách nhân viên, hệ thống sẽ hiển thị thông tin chi tiết của nhân viên đó. |
| *Kịch bản phụ* | Khi người dùng chọn **“Edit”**, hệ thống cho phép người dùng chỉnh sửa thông tin nhân viên đó. Khi người dùng chọn **“Save”**, hệ thống sẽ cập nhật thông tin nhân viên và hiện thông báo cập nhật thành công. Khi người dùng chọn **“Cancel”**, hệ thống sẽ giữ lại giá trị cũ.  Khi người dùng chọn nút **“Delete”** thì sẽ hiện thông báo **“Bạn có muốn xóa nhân viên không?”**. Nếu người dùng chọn **“OK”** thì hệ thống sẽ xóa thông tin nhân viên khỏi dữ liệu, người dùng chọn **“Cancel”** thì thông tin nhân viên được giữ lại. |
| *Ràng buộc phi chức năng* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **U032** |
| *Tên Use Case* | Xóa nhân viên |
| *Tóm tắt* | Người quản lý xóa tài khoản nhân viên ra khỏi hệ thống. |
| *Tác nhân* | Người dùng (quản lý) |
| *Điều kiện tiên quyết* | Người dùng đã đăng nhập với chức vụ là quản lý. |
| *Kết quả* | Thông tin tài khoản bị xóa khỏi dữ liệu của hệ thống. |
| *Kịch bản chính* | Người dùng chọn “Delete” trong use case U030 và U031, hệ thống hiện thông báo **“Bạn có muốn xóa nhân viên không?”**. Nếu người dùng chọn **“OK”** thì hệ thống sẽ xóa thông tin nhân viên khỏi dữ liệu, người dùng chọn **“Cancel”** thì thông tin nhân viên được giữ lại. |
| *Kịch bản phụ* | Nếu xóa thất bại hệ thống sẽ thông báo đến người dùng. |
| *Ràng buộc phi chức năng* | Nhân viên đang hoạt động thì không được xóa. |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **U033** |
| *Tên Use Case* | Chỉnh sửa thông tin nhân viên |
| *Tóm tắt* | Quản lý thay đổi thông tin chi tiết của một nhân viên trong khách sạn. |
| *Tác nhân* | Người dùng (quản lý). |
| *Điều kiện tiên quyết* | Người dùng đã đăng nhập với chức vụ là quản lý. |
| *Kết quả* | Thông tin nhân viên bị thay đổi. |
| *Kịch bản chính* | Người dùng sau khi nhấn chọn nút **“Edit”** ở use case **U031 – Xem thông tin tài khoản** sẽ cho phép người dùng chỉnh sửa.  Khi người dùng chọn **“Save”**, hệ thống sẽ cập nhật thông tin tài khoản và hiện thông báo cập nhật thành công.  Khi người dùng chọn **“Cancel”**, hệ thống sẽ giữ lại giá trị cũ. |
| *Kịch bản phụ* | Lưu đúng thông tin. |
| *Ràng buộc phi chức năng* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **U013** |
| *Tên Use Case* | Thêm thông tin khách |
| *Tóm tắt* | Khi nhân viên thực hiện use case Đặt phòng, use case này được thực hiện để lưu thông tin khách vào hệ thống. |
| *Tác nhân* | Người dùng (nhân viên). |
| *Điều kiện tiên quyết* | Người dùng đã đăng nhập với chức vụ là nhân viên. |
| *Kết quả* | Thông tin khách hàng được lưu vào hệ thống. |
| *Kịch bản chính* | Hệ thống hiển thị thông tin khách hàng để người dùng điền vào.  Người dùng xác nhận đặt phòng thì hệ thống kiểm tra thông tin khách và lưu vào hệ thống. |
| *Kịch bản phụ* | Nếu nhân viên nhập thông tin bị thiếu, hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu người dùng nhập đầy đủ thông tin.  Khi đã nhập đầy đủ, hệ thống hiển thị yêu cầu xác nhận đặt phòng. |
| *Ràng buộc phi chức năng* | Khách hàng đã có thông tin trong hệ thống thì không lưu thêm. |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Use case ID*** | **U034** |
| *Tên Use Case* | Xóa thông tin khách |
| *Tóm tắt* | Người quản lý xóa thông tin khách ra khỏi hệ thống. |
| *Tác nhân* | Người dùng (quản lý) |
| *Điều kiện tiên quyết* |  |
| *Kết quả* | Thông tin khách bị xóa khỏi dữ liệu của hệ thống. |
| *Kịch bản chính* | Người dùng chọn **“Delete”** trong use case U008 và U009, hệ thống hiện thông báo **“Bạn có muốn xóa khách không?”**. Nếu người dùng chọn **“OK”** thì hệ thống sẽ xóa thông tin khách khỏi dữ liệu, người dùng chọn **“Cancel”** thì thông tin nhân viên được giữ lại. |
| *Kịch bản phụ* | Nếu xóa thất bại hệ thống sẽ thông báo đến người dùng. |
| *Ràng buộc phi chức năng* | Khách hiện đang ở trong khách sạn thì không được xóa. |